

KINH NGHIỆM CHUYỂN ĐỔI ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC THEO PHƯƠNG THỨC TÍN CHỈ Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2006-2010

○ THS. PHÙNG THẾ NGHỊ*

Từ năm học 2006, thực hiện chủ trương chuyển đổi quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ (TC), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện trong đào tạo sau đại học (ĐT SDH) ở các đơn vị ĐT thuộc ĐHQGHN.

Theo lộ trình này, có 4 yếu tố cơ bản nhất để triển khai áp dụng ĐT theo phương thức TC: 1) Chuyển đổi chương trình ĐT hiện hành; 2) Xây dựng đề cương môn học; 3) Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH); 4) Đánh giá kết quả học tập môn học và cách tính điểm phù hợp với phương thức TC.

1. Sau 5 năm thực hiện chuyển đổi, ĐHQGHN đã đạt được một số kết quả:

1) Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu dịch) ở ĐHQGHN đã có những bước chuyển căn bản giúp người học cập nhật kiến thức một cách nhanh chóng. Các môn học thuộc khối kiến thức chung (*Triết học; Ngoại ngữ cơ bản; Ngoại ngữ học thuật*) đã được thống nhất thành các module chung, đảm bảo liên thông, liên kết trong ĐT. Các môn *Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học cơ sở* được thống nhất với các module chuẩn đầu ra khác nhau. ĐHQGHN đã đầu tư kinh phí, nguồn lực để đảm bảo đạt chuẩn ngoại ngữ cho các bậc học và loại hình ĐT. Đến nay, đã có gần 3000 đề cương môn học ở bậc cao học với nhiều nội dung được cập nhật, tạo tính liên thông cao.

2) Các đơn vị ĐT đã tổ chức các hội nghị về đổi mới PPDH, mời các nhà giáo, nhà nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước đến thuyết trình và trao đổi kinh nghiệm với cán bộ giảng dạy của các đơn vị ĐT. Đến nay, nhiều PPDH mới, tích cực, phù hợp với ĐT theo TC đã được vận dụng, góp phần nâng cao chất lượng học tập của học viên và nghiên cứu sinh.

3) Các phương pháp kiểm tra, đánh giá mới

đã được chú trọng, tạo động lực học tập cho học viên, nghiên cứu sinh. Đánh giá kết quả học tập và cách tính điểm số, điểm chữ tạo ra khả năng liên thông và chuyển đổi TC giữa các trường ĐH trong nước và ngoài nước.

4) Hệ thống cơ sở vật chất được quan tâm nâng cấp, đáp ứng cơ bản nhu cầu giảng dạy và học tập; internet và Wireless hiện đại, thuận tiện cho việc quản lí hành chính qua mạng và truy cập thông tin.

5) Hệ thống các văn bản hướng dẫn, quy định đã và đang được hoàn thiện, thống nhất như: Hướng dẫn công tác tuyển sinh, mở ngành, chuyển đổi và hoàn thiện chương trình, đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra, đánh giá, xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử, tổ chức giảng dạy...

2. Một số bất cập trong quá trình thực hiện

1) Việc chuyển đổi sang ĐT theo TC mới chỉ mang tính cơ học như chuyển đổi chương trình ĐT, thang điểm đánh giá, trong khi chương trình ĐT vẫn chịu ảnh hưởng của việc được thiết kế cố định theo kiểu niên chế, cách tổ chức các môn học chung theo kiểu module chưa được quan tâm đúng mức, khả năng tổ chức học chung, ĐT liên thông còn hạn chế.

2) Một số GV chưa chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các phương thức ĐT tích cực (theo hình thức TC).

3) Phương pháp đánh giá luận văn, luận án còn máy móc, chưa phản ánh đúng chất lượng của một công trình khoa học. Điểm đánh giá luận văn thạc sĩ quá cao, không có ý nghĩa phân loại học viên (hầu hết đều là giỏi và xuất sắc). Việc đánh giá luận án tiến sĩ cũng chưa thật khách quan, chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của Hội đồng đánh giá, đặc biệt là việc khẳng định đóng góp mới của luận án.

* Đại học quốc gia Hà Nội

4) Nhiều cơ sở ĐT tổ chức học tập theo hình thức không tập trung (phần lớn vào buổi tối hoặc ngày nghỉ cuối tuần), dạy không đủ thời lượng, hướng dẫn tự học và kiểm tra đánh giá còn sơ sài, do vậy, hoạt động học tập, nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh chưa đi vào nề nếp. Đề tài luận văn, luận án có những chuyên ngành còn trùng lặp bộ phận, ý nghĩa khoa học và thực tiễn chưa cao. Một số cơ sở ĐT còn có tình trạng quá tải trong hướng dẫn luận văn, luận án.

5) Một số học viên chưa chủ động xây dựng ý thức tự học, tự nghiên cứu phù hợp với phong cách học hiện đại (phù hợp phương thức đào tạo TC). Công tác quản lý ĐT theo TC còn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý học viên và nghiên cứu sinh.

6) Việc chuyển đổi hệ điểm từ thang điểm 10 sang hệ chữ và thang điểm 4 mới được áp dụng khi đánh giá, xếp loại học lực, ngừng học, thôi học, vì vậy xã hội và các nhà tuyển dụng chưa quen và chấp nhận với hệ thống điểm chữ và thang điểm 4.

3. Một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của phương thức ĐT theo TC ở ĐHQGHN

1) **Đổi mới phương thức tuyển sinh SDH.** Cụ thể: 1) ĐHQGHN cần thúc đẩy tiến trình đổi mới hình thức và nội dung thi và tuyển sinh SDH theo hướng đánh giá năng lực của người học; 2) Tăng cường phát triển các hình thức ĐT đặc biệt như ĐT chương trình cử nhân khoa học tài năng, chương trình tiên tiến, chương trình nhiệm vụ chiến lược và chất lượng cao tạo nguồn thí sinh tiềm năng bổ sung vào nguồn ĐT SDH có chất lượng. Đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng bậc ĐT ĐH đáp ứng các tiêu chuẩn chuyển tiếp sinh ĐT thạc sĩ và tiến sĩ để thu hút số lượng lớn cử nhân từ các chương trình ĐT đặc biệt kể trên tiếp tục chương trình ĐT SDH; 3) Đẩy mạnh công tác giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá thương hiệu ĐHQGHN và các chuyên ngành ĐT SDH nhằm thu hút nhiều thí sinh giỏi đăng kí, tạo điều kiện chủ động cho các thí sinh đăng kí thi các chuyên ngành gần được học bổ sung kiến thức và tiếp cận đề cương môn thi sớm hơn thời gian dự kiến chung của kì thi tuyển sinh SDH; 4) Nghiên cứu phương thức tuyển sinh ĐT tiến sĩ, chuyển đổi hình thức thi tuyển sang hình thức kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển một cách khoa học, hợp lí (như thông

qua đánh giá hồ sơ chuyên môn, xem xét hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp).

2) **ĐT đội ngũ:** - Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý đáp ứng nhu cầu tăng quy mô và chất lượng giảng dạy; - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ĐT cán bộ trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt để gửi đi ĐT thạc sĩ và tiến sĩ tại những cơ sở ĐT có uy tín của nước ngoài; - Tiến hành quy hoạch và đầu tư, ĐT, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đầu ngành, cốt cán theo tiêu chí ĐHQGHN đã ban hành; - Nghiên cứu cơ chế, chính sách, chế độ ưu đãi nhằm thu hút cán bộ khoa học giỏi trong nước và nước ngoài theo phương thức mời về làm cán bộ cơ hữu, kiêm nhiệm hoặc thỉnh giảng tại ĐHQGHN; - Thử nghiệm, áp dụng phương thức người học đánh giá người dạy, tổng kết, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng; - Đổi mới nội dung ĐT, bồi dưỡng GV về cả PPDH, thiết kế bài giảng, thực hành các kĩ thuật sư phạm trong giảng dạy và kiểm tra - đánh giá.

3) **Hoàn thiện chương trình ĐT theo chuẩn đầu ra:** 1) Để hoàn thiện chương trình ĐT SDH theo chuẩn đầu ra, các đơn vị ĐT ở ĐHQGHN cần rà soát lại toàn bộ chương trình ĐT, đổi mới nội dung chương trình, tiếp thu có chọn lọc những chương trình, giáo trình tiên tiến của thế giới. Hàng năm thay đổi ít nhất 10% nội dung chương trình ĐT nhằm cập nhật nội dung mới của ngành học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tổ chức biên soạn giáo trình, bài giảng các môn học và sách tham khảo phục vụ quá trình tự học, tự nghiên cứu của học viên; 2) Lựa chọn một số chuyên ngành mang tính quốc tế hóa cao và mạnh dạn đưa chương trình, giáo trình của các ĐH tiên tiến thế giới vào giảng dạy. Thực hiện tốt «Đề án xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế», trước mắt, cần xác định phải có từ 20 đến 30 chuyên ngành được thực hiện theo lộ trình chặt chẽ để sớm có những sản phẩm ĐT ngang tầm quốc tế; 3) Triển khai ĐT theo nhu cầu của người sử dụng lao động, xây dựng và thực hiện các chương trình ĐT mới, đặc biệt là các chương trình có tính liên ngành, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. ĐHQGHN đã giao cho khoa SDH xây dựng các chương trình ĐT thí điểm mang tính liên ngành, liên lĩnh vực đạt chuẩn

quốc tế và đã đi vào tuyển sinh như Chương trình ĐT SDH chuyên ngành Biến đổi khí hậu; Chương trình ĐT SDH khoa học bền vững...

4) Mở rộng quy mô, tăng cường chất lượng liên kết ĐT quốc tế

Mở rộng quy mô liên kết ĐT quốc tế các chương trình SDH với mục tiêu hiện đại hóa chương trình và công nghệ dạy - học ở ĐHQGHN. Tham gia ĐT có GV trẻ tham gia với tư cách trợ giảng; qua đó, họ có điều kiện tiếp thu tri thức, phương pháp, nâng cao năng lực ngoại ngữ để chiếm lĩnh từng bước quy trình ĐT quốc tế. Đây là bước chuyển giao công nghệ tạo nên những đột phá ở một số chuyên ngành ĐT SDH theo chuẩn mực quốc tế.

5) Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và ĐT SDH: - Nâng cao chất lượng đề tài khoa học, ưu tiên những đề tài trực tiếp phục vụ ĐT SDH, gắn ĐT với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc phát triển các chương trình ĐT SDH phải được gắn kết với việc xây dựng các trường phái, các nhóm nghiên cứu khoa học; 2) Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, chú trọng trang bị thêm các phòng thí nghiệm hiện đại đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

6) Đổi mới cơ bản quy trình đánh giá, kiểm định chất lượng ĐT SDH; tăng cường kiểm tra giám sát nội dung và quá trình ĐT của các đơn vị: 1) Các môn học chung bắt buộc như Triết học, Ngoại ngữ cơ bản và Ngoại ngữ học thuật phải được thống nhất trong toàn ĐHQGHN về nội dung chương trình và quy trình đánh giá; 2) Đối với các chương trình ĐT thạc sĩ định hướng thực hành, cần có biện pháp nâng cao chất lượng ĐT nhằm tạo điều kiện cho người học thể hiện khả năng ứng dụng tri thức vào thực tiễn và kỹ năng thực hành; 3) Ban hành quy định về đánh giá luận văn, luận án theo hướng tăng cường tính xác định (định tính và định lượng), đề cao trách nhiệm của Hội đồng chấm luận văn, luận án trong việc bảo đảm tính khách quan và khoa học; 4) Triệt để áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiên tiến theo yêu cầu của phương thức ĐT theo TC; 5) Đưa lên mạng ĐHQGHN toàn bộ tên đề tài luận án tiến sĩ đã bảo vệ trong nước từ trước

đến nay xếp theo chuyên ngành ĐT để giúp các nghiên cứu sinh thuận lợi trong việc lựa chọn đề tài, tránh tình trạng trùng lặp; 6) Thường xuyên kiểm tra nội dung chương trình và tình hình tổ chức ĐT ở các đơn vị, đưa công tác ĐT SDH vào nề nếp, chính quy, hiện đại; 7) Triển khai kiểm định chất lượng các chương trình ĐT SDH theo các chuẩn quốc tế.

7) Phát huy nguồn lực ĐT và nghiên cứu trong toàn ĐHQGHN, tăng cường tính liên thông, liên kết giữa các đơn vị. Trong việc mở các chương trình ĐT: ở ĐHQGHN, điều kiện để mở chương trình ĐT SDH cần có 6 cán bộ cơ hữu đáp ứng nhu cầu mở chương trình, cao hơn so với yêu cầu 5 cán bộ theo quy định của Bộ GD-ĐT, do vậy nhiều chương trình ĐT cần phải có sự kết hợp giữa các đơn vị mới có đủ điều kiện để mở mới trên cơ sở kết hợp nguồn lực của toàn ĐHQGHN, một số chương trình đã được mở mới thành công thông qua sự kết hợp giữa các đơn vị như: Chương trình ĐT thạc sĩ Hán Nôm, Nhật Bản học, Công nghệ sinh học, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên; Chương trình ĐT tiến sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục.

Trong công tác tuyển sinh: muốn phát huy trình độ cao trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên sâu của mỗi đơn vị, ĐHQGHN tập trung chỉ đạo công tác tổ chức tuyển sinh thống nhất trong toàn bộ các đơn vị của mình, nhưng phải giao cho các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thi và ra đề, chấm thi.

Trong tổ chức ĐT: phân công ĐT theo lĩnh vực chuyên môn. Đối với các môn học được tổ chức giảng dạy đồng thời ở nhiều đơn vị ĐT của ĐHQGHN, học viên được đăng kí môn học và tích lũy TC ở đơn vị phù hợp với họ, các đơn vị ĐT khác phải thừa nhận TC do người học tích lũy ở bất kì đơn vị nào thuộc ĐHQGHN.

Ngoài những biện pháp nêu trên, để tiếp tục phát huy thành công việc chuyển đổi phương thức ĐT, các đơn vị ĐT ở ĐHQGHN cần triển khai việc quản lí và tổ chức ĐT một cách thực chất hơn. Trong đó, nhân tố con người, vấn đề cán bộ, phương pháp giảng dạy, chất lượng dạy và học phải được thực hiện và kiểm soát một cách chủ động, đồng bộ. Các đơn vị ĐT cũng cần chủ động thu hút các nguồn đầu tư từ các dự án của nước

(Xem tiếp trang 49)

sâu sắc hơn về các mối quan hệ xã hội. Vì đây là giai đoạn trẻ đã có nhiều trải nghiệm về cuộc sống và bước đầu biết nhìn nhận những vấn đề đơn giản của cuộc sống, có khả năng kiểm soát được cảm xúc của mình ở những mức độ khác nhau, thậm chí có thể đặt ra các câu hỏi theo dòng suy nghĩ của mình. Khi lựa chọn tranh, truyện cho trẻ, người lớn cũng nên quan tâm và chú ý tới sự hứng thú và sở thích riêng của trẻ, bởi mỗi trẻ lại có sở thích khác nhau. Nên làm một kệ sách vừa tầm với của trẻ hay một khu vực khác để trẻ có thể tìm thấy những cuốn sách của mình ưa thích và lấy đọc, hình thành ý thức thích xem sách ngay từ tuổi mẫu giáo.

4. Sử dụng TT sẽ góp phần quan trọng trong việc kích thích hứng thú học tập, giúp trẻ chủ động hơn trong việc trải nghiệm, khám phá NN trước khi trẻ bước vào trường phổ thông. Nắm chắc đặc điểm NN của trẻ mầm non, để lựa chọn TT phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và NN của trẻ là cơ sở khoa học giáo dục mầm non cho các bậc phụ huynh và giáo viên trường mầm non giúp trẻ biết đọc, biết viết sớm và có khả năng phát triển tư duy tốt. □

(1) E.I. Chikheva. **Phát triển lời nói trẻ em dưới tuổi đến trường phổ thông** (người dịch Trương Thiên Thanh). NXB Giáo dục, H. 1976.

(2) Otto Beverly. **Language development in early childhood**. Northeast Illinois University, 2010.

(3) Phùng Đức Toàn. **Phương án 0 tuổi phát triển ngôn ngữ từ trong nôi** (dành cho trẻ từ 0-6 tuổi). NXB Lao động xã hội, H. 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Kim Anh. *Phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ mầm non* (Bài giảng lưu hành nội bộ), Trường ĐHSP Hà Nội, 1999.

2. Phan Thị Lan Anh. *Sử dụng trò chơi nhằm phát triển khả năng tiên đọc - viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, H. 2009.

3. Đinh Hồng Thái. **Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non**. NXB Đại học sư phạm, H. 2010.

SUMMARY

Preschool period is an important milestone which is epitomized. There for educators need special attention to prepare for the child in all aspects in a child's life. Developing his/her language skills is an important task and using comics to teach children is an important way to improve their language capability.

Kinh nghiệm chuyển đổi...

(Tiếp theo trang 40)

ngoài, các doanh nghiệp và nguồn tài chính khác để phát triển nguồn lực phục vụ ĐT SDH.

ĐT theo phương thức TC trên quy mô toàn ĐHQGHN là tất yếu, cần thực hiện quyết liệt nhưng không được nóng vội, không áp dụng mô hình nước ngoài một cách máy móc, cứng nhắc. Để việc chuyển đổi thành công hơn nữa trong những giai đoạn tiếp theo tiến tới áp dụng hoàn toàn phương thức ĐT theo TC, ĐHQGHN cần rà soát, thẩm định thực tế, điều chỉnh các văn bản có tính pháp quy và văn bản chỉ đạo cần được thực hiện nhanh chóng, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Mô hình hoạt động quản lí người học cần được nghiên cứu, đổi mới cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả, quyền lợi chính đáng của người học, đồng thời giáo dục người học hiểu rõ được quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với chính tương lai của họ. Cần có những quy định chặt chẽ cho việc kiểm định chất lượng (giám sát, kiểm tra việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học một cách thường xuyên) kết hợp với thưởng phạt nghiêm minh để từng bước nâng cao chất lượng việc dạy và học theo phương thức TC. □

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Giáo dục - "Báo cáo sơ kết công tác đào tạo sau đại học theo tín chỉ giai đoạn 2006-2010", H. 2011.

2. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. "Đào tạo sau đại học giai đoạn 2006-2010 ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên trong lộ trình chuyển đổi phương thức đào tạo theo tín chỉ", H. 2011.

3. Trường Đại học Ngoại ngữ. "Báo cáo thực trạng và giải pháp đào tạo ngoại ngữ bậc học sau đại học ở ĐHQG Hà Nội", 6/2011.

4. Khoa Sau đại học - ĐHQG Hà Nội. "Về công tác đào tạo sau đại học ở ĐHQG Hà Nội giai đoạn 2006-2010", H. 2011.

SUMMARY

The writing deals with the general awareness of the significance of credit-based graduate education. It also shows the practice of credit-based education at Vietnam National University, Hanoi from 2006 to 2010. Finally, the writing proposes some solutions to improve the effectiveness of this education form at the University in the coming years.